CTCP Thủy điện Nước Trong (HNX: NTH)

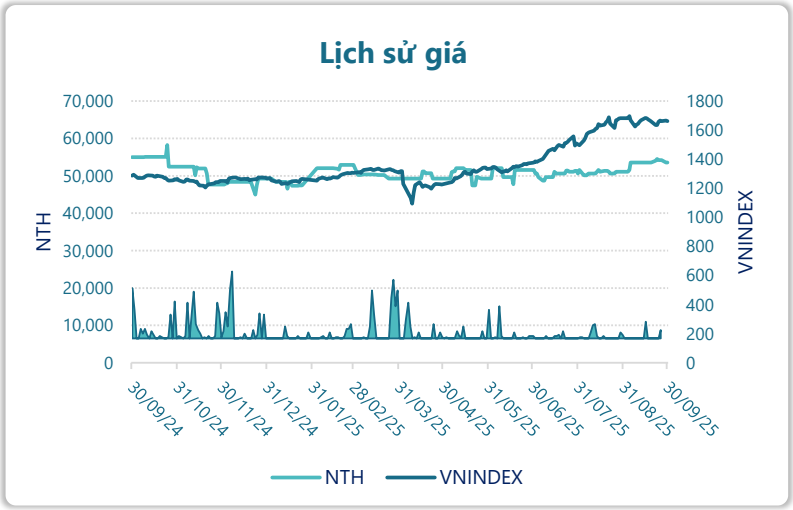

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**55,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	58,231
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,972
SL cổ phiếu LH	10,802,053
KLGD BQ 20 phiên (CP)	610
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	594
P/E	8.9
EPS	6,154

DT thuần

Q3/25

26.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.90| -18.4%

YoY: ▲ 6.90| 35.4%

LN sau thuế

Q3/25

11.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.70| -32.9%

YoY: ▲ 4.88| 71.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

46.8%

+/- YoY: ▲ 8.4%

DT thuần

9T 2025

95.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.9| 28.1%

LN sau thuế

9T 2025

50.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.2| 43.6%

ROE

Q3/25

37.0%

+/- YoY: ▲ 7.7%

CTCP Thủy điện Nước Trong (HNX: NTH)

Kết quả kinh doanh

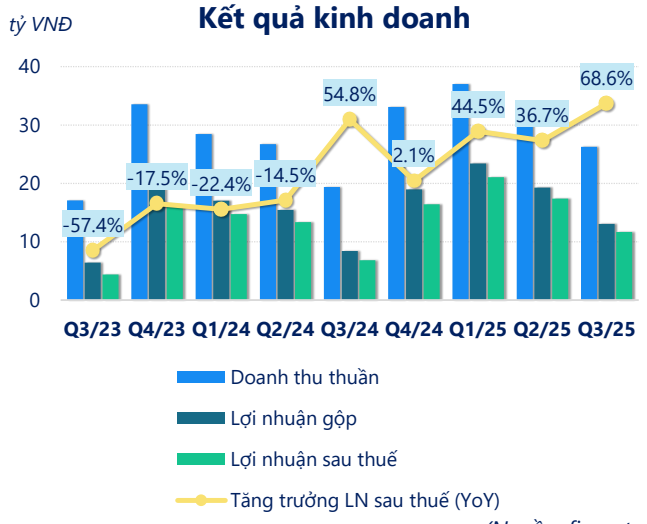

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

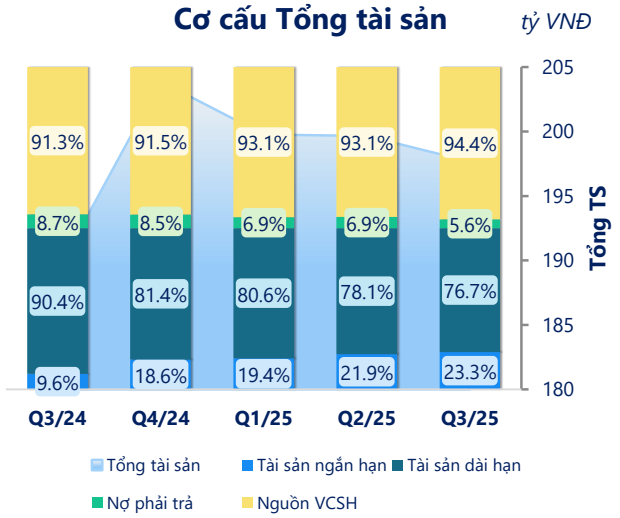

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

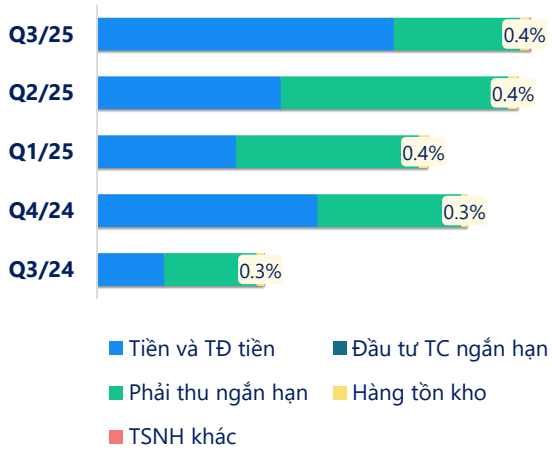

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

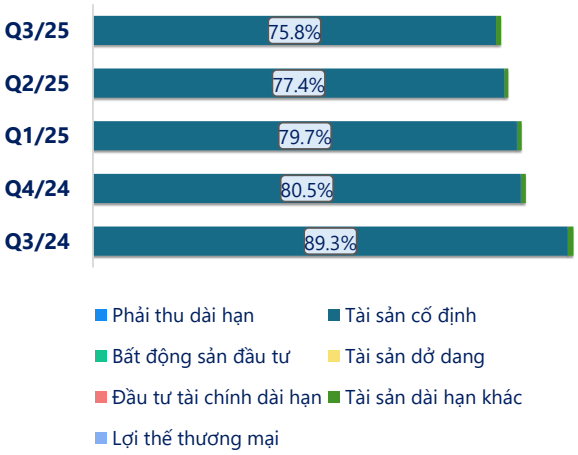

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

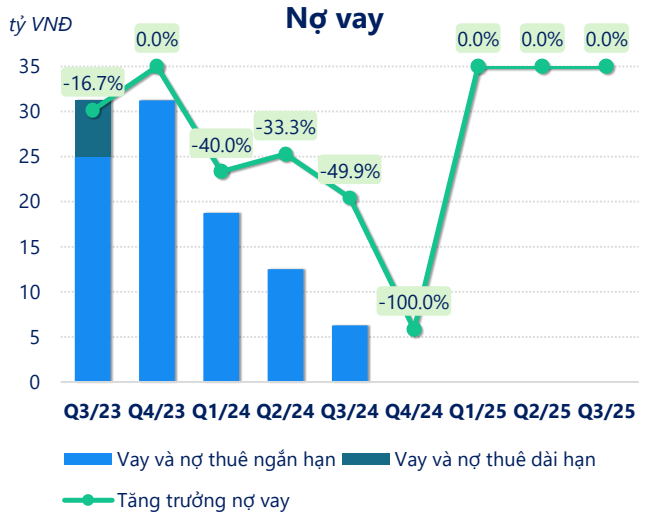

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

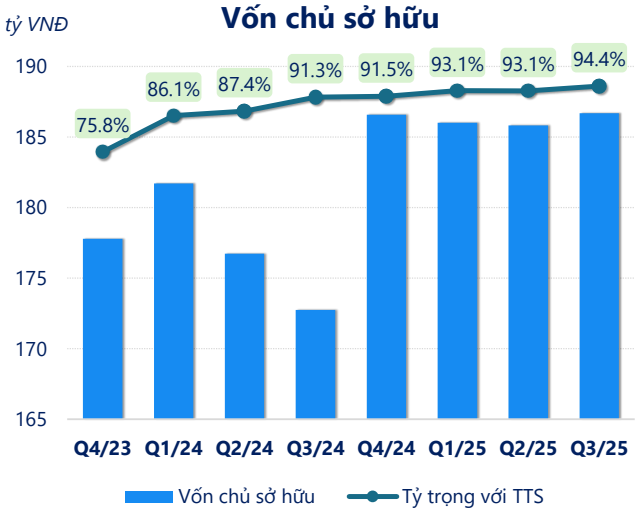

(Nguồn: fireant.vn)

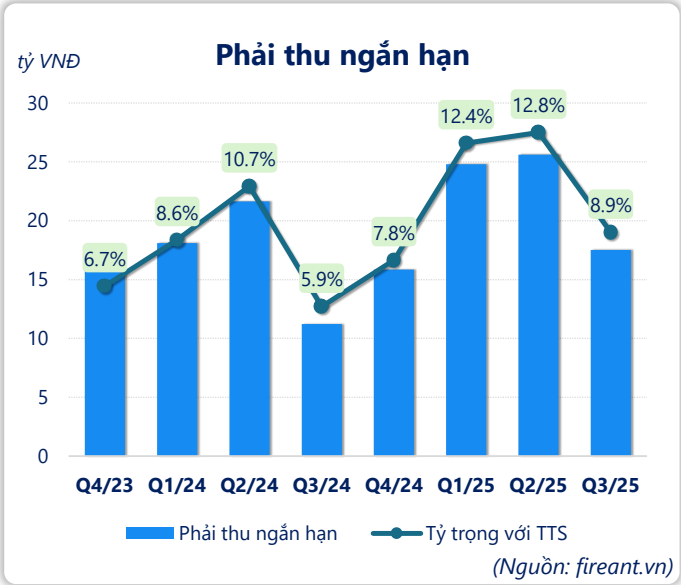
Phải thu ngắn hạn
tỷ VNĐ
30
25
20
15
10
5
0
6.7%
8.6%
10.7%
5.9%
7.8%
12.4%
12.8%
8.9%
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Q3/25
Phải thu ngắn hạn
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

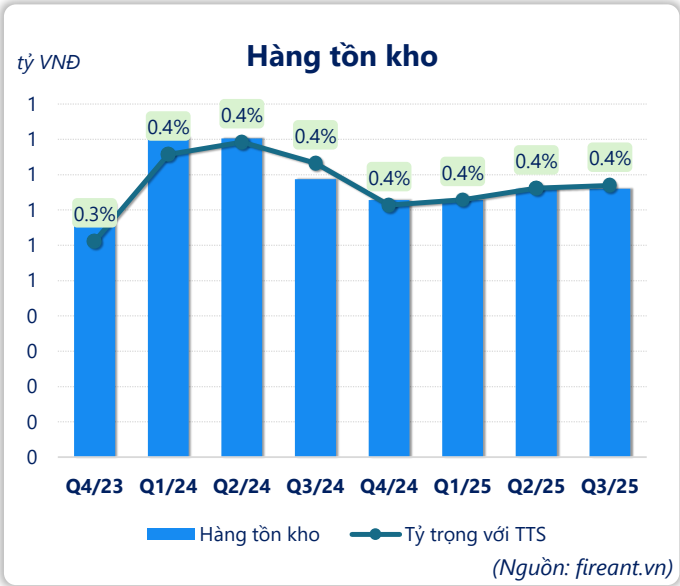
Hàng tồn kho
tỷ VNĐ
1
1
1
1
1
1
0
0
0
0
0
0
0.3%
0.4%
0.4%
0.4%
0.4%
0.4%
0.4%
0.4%
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Q3/25
Hàng tồn kho
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

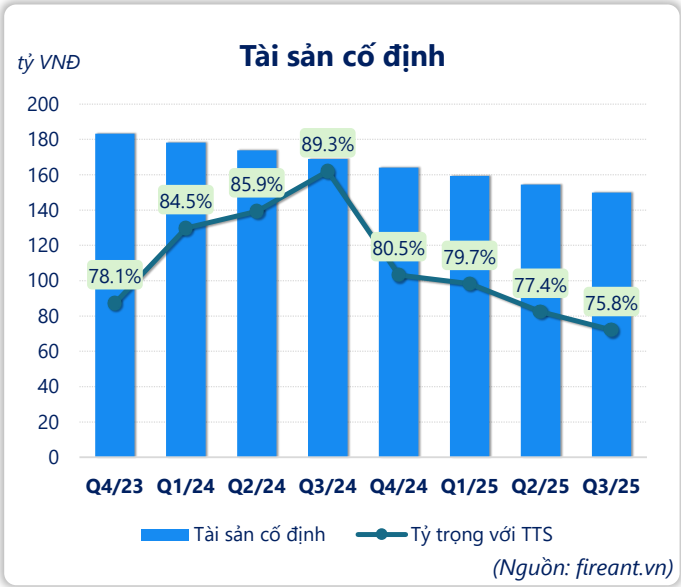
Tài sản cố định
tỷ VNĐ
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
78.1%
84.5%
85.9%
89.3%
80.5%
79.7%
77.4%
75.8%
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Q3/25
Tài sản cố định
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

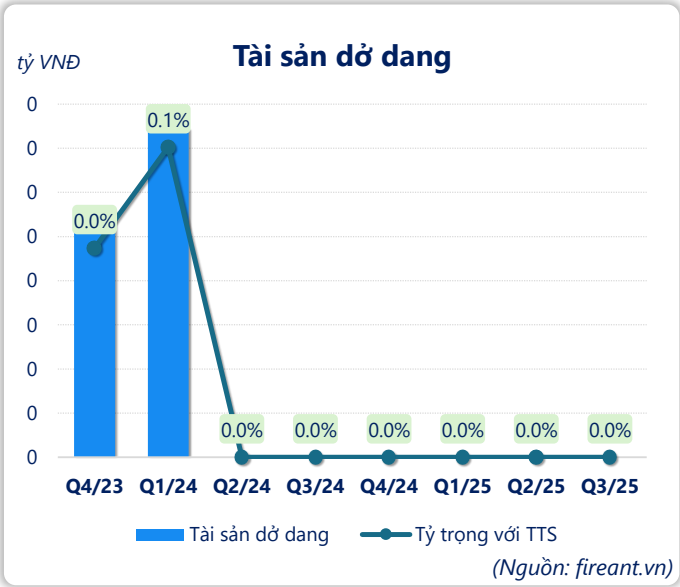
Tài sản dở dang
tỷ VNĐ
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0.0%
0.1%
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Q3/25
Tài sản dở dang
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

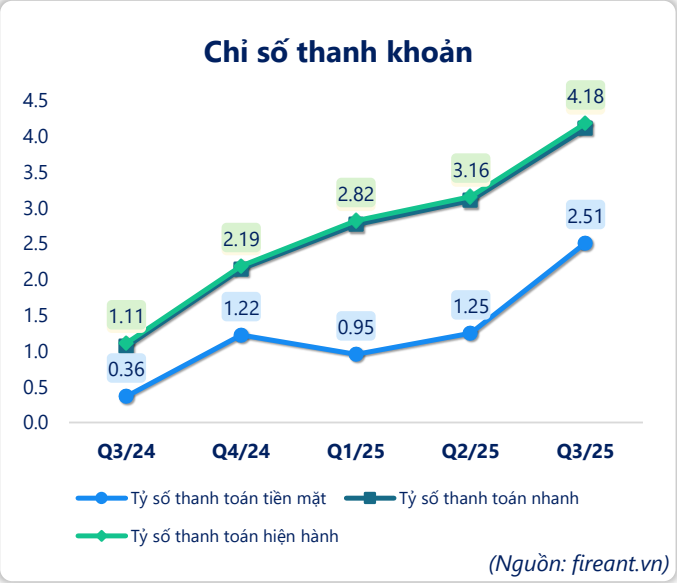
Chỉ số thanh khoản
4.5
4.0
3.5
3.0
2.5
2.0
1.5
1.0
0.5
0.0
1.11
2.19
2.82
3.16
4.18
0.36
1.22
0.95
1.25
2.51
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Q3/25
Tỷ số thanh toán tiền mặt
Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành
(Nguồn: fireant.vn)

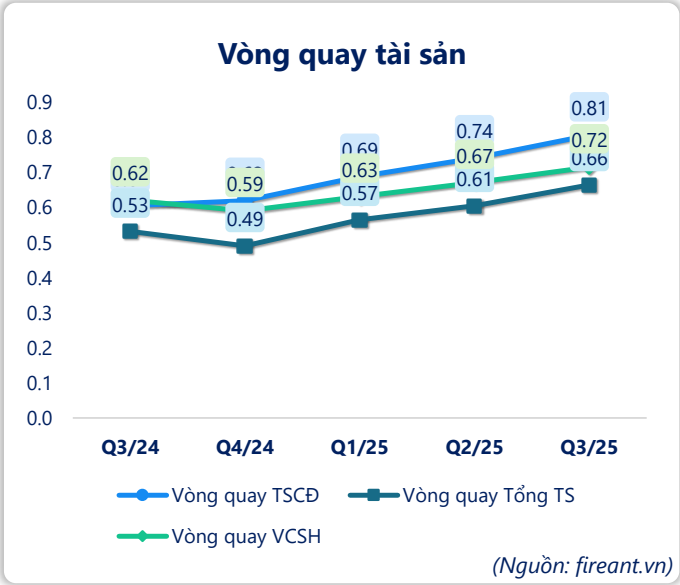
Vòng quay tài sản
0.9
0.8
0.7
0.6
0.5
0.4
0.3
0.2
0.1
0.0
0.62
0.53
0.59
0.49
0.69
0.63
0.57
0.74
0.67
0.61
0.81
0.72
0.66
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Q3/25
Vòng quay TSCĐ
Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**189**	**204**	**200**	**200**	**198**
Tài sản ngắn hạn	**18.2**	**37.9**	**38.7**	**43.7**	**46.0**
Tiền và tương đương tiền	5.99	21.2	13.1	17.2	27.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	11.2	15.9	24.8	25.6	17.5
Hàng tồn kho	0.79	0.73	0.73	0.76	0.76
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.13	0.09	0.07	0.09
Tài sản dài hạn	**171**	**166**	**161**	**156**	**152**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	169	164	159	154	150
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.02	1.93	1.77	1.49	1.83
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**16.4**	**17.3**	**13.7**	**13.8**	**11.0**
Nợ ngắn hạn	**16.4**	**17.3**	**13.7**	**13.8**	**11.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.26	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.33	3.43	2.74	2.83	2.21
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**173**	**187**	**186**	**186**	**187**
Vốn chủ sở hữu	**173**	**187**	**186**	**186**	**187**
Vốn điều lệ	108	108	108	108	108
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)